

Số: 439/2023/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 07 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2007/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị

định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Xét Tờ trình số 181/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 909/BC-BPC ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã), ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, lực lượng Bảo vệ dân phố và mức khoán kinh phí hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
- b) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
- c) Lực lượng Bảo vệ dân phố;
- d) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; Chi bộ, Ban công tác Mặt trận và Chi hội đoàn thể ở thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Mỗi đơn vị hành chính cấp xã có 21 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và hưởng mức phụ cấp hàng tháng, cụ thể như sau:

| STT | Chức danh | Mức phụ cấp hàng tháng (hệ số lần mức lương cơ sở) | | |
|-----|-------------------------|---|------------|-------------|
| | | Xã loại I | Xã loại II | Xã loại III |
| 1 | Trưởng ban Tổ chức Đảng | 0,5 | 0,5 | 0,4 |
| 2 | Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy | 0,5 | 0,5 | 0,4 |
| 3 | Trưởng ban Tuyên giáo | 0,5 | 0,5 | 0,4 |